TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT
Ngày: 01 - 10 - 2018
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bằng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng
Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2018/TLPT-DS ngày 15/8/2018, về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐPT-DS ngày 12/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y N Ayŭn, sinh năm 1964 (Có mặt);
Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà H L Byă, sinh năm 1989 (Có mặt);
Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H N Niê, sinh năm 1956 (Có mặt)
Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y N Ayŭn, sinh năm 1964 (Có mặt);
Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018).

4. Người kháng cáo: Bà H L Byă – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Do quen biết nhau nên ngày 15/01/2015, bà H L Byă vay ông Y N Ayŭn số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay. Ông Y N Ayŭn đã giao đủ số tiền 20.000.000 đồng cho bà H L Byă. Khi vay tiền, bà H L có viết cho ông Y N một giấy mượn tiền trong đó có thể hiện số tiền vay và lãi suất cũng như thời hạn trả nợ.

Hai bên xác định giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ khởi kiện là do bị đơn viết ra có ký xác nhận bên dưới (không có chữ ký của nguyên đơn) trong trạng thái tinh thần minh mẫn, không bị ai ép buộc. Bị đơn chỉ viết một tờ giấy vay mượn tiền này rồi đưa cho nguyên đơn giữ. Trong giấy vay tiền có nội dung "Tôi có mượn tiền anh chị mi T niê", nguyên đơn và bị đơn đều xác định anh chị Mi T Niê là vợ chồng ông Y N Ayŭn và bà H N Niê. Mi T là tên thường gọi của bà H N Niê. Khi ông Y N Ayŭn cho bà H L Byă vay tiền không có mặt bà H N.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Y N Ayŭn trình bày:*

Ông thống nhất với nội dung tóm tắt nêu trên. Tuy nhiên, ngày 15/01/2015, hai bên thỏa thuận lãi suất 4.000.000 đồng/20.000.000 đồng/01 ngày. Khi ông Y N Ayŭn cho bà H L Byă vay tiền không có mặt bà H N nhưng sau đó ông có nói cho vợ ông biết việc này.

Kể từ ngày vay 15/01/2015 cho đến nay, bà H L chưa trả cho Y N một khoản tiền gốc và lãi nào. Ông Y N đã yêu cầu bà H L trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H L phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông yêu cầu bà H L phải trả lại 20.000.000 đồng tiền gốc đã vay, thời hạn trả nợ ông có ý kiến đề nghị bị đơn trả chia làm hai đợt, đợt 1 trả 10.000.000 đồng ngay sau khi kết thúc phiên tòa, đợt 2 trả 10.000.000 đồng vào ngày 28/6/2019. Không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông đề nghị bị đơn trả tiền một lần và phải trả số tiền lãi từ khi vay cho đến nay.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H L Byă trình bày:*

Bà thống nhất với nội dung tóm tắt trên. Tuy nhiên, bà xác định lãi suất vay tiền là 4.000.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bà không nhớ thời gian vay là ngày tháng nào, chỉ nhớ là vay vào năm 2015.

Bà đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 15.000.000 đồng tiền gốc trong 03 lần:

- Lần 1: Ngày 15/01/2017, trả 5.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 21/6/2017, trả 5.000.000 đồng tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 10/11/2017, trả 5.000.000 đồng tiền gốc.

Cả ba lần trả nợ này, hai bên không lập giấy tờ biên nhận gì nên không thể cung cấp cho Tòa án. Khi bà H L trả tiền, bà có yêu cầu nguyên đơn viết giấy biên

nhận về việc trả nợ nhưng nguyên đơn nói là do quen biết nên khi nào trả hết nợ thì viết biên nhận luôn một lần. Vì tin tưởng nhau nên bị đơn cũng đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Nay ông Y N Ayŭn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H L trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng đã trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 5.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng này. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu khác đối với việc tranh chấp này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà H N Niê trình bày:*

Bà xác định "anh chị mi T niê" là tên thường gọi của vợ chồng bà. Khi ông Y N Ayŭn cho H L vay tiền thì bà không biết, sau đó, nguyên đơn có nói cho bà biết việc này. Bà không chứng kiến việc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn. Bà không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 159, 427, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y N Ayŭn. Buộc bà H L Byă có nghĩa vụ trả cho ông Y N Ayŭn số tiền 20.000.000 đồng, chia làm 02 đợt: Đợt 1 trả 10.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đợt 2 trả 10.000.000 đồng vào ngày 28/6/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H L Byă phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Y N Ayŭn được nhận lại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001331 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2018, bị đơn bà H L Byă có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Bà chỉ đồng ý trả cho ông Y N Ayŭn số tiền 5.000.000 đồng, không chấp nhận trả số tiền 20.000.000 đồng và tiền án phí như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà H L Byă giữ nguyên đơn kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về phần thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của bà H L Byă trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Đối với nội dung đơn kháng cáo của bà H L Byă, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Sau khi kháng cáo, bà H L Byă không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho nội dung đơn kháng cáo của mình. Tuy nhiên, bà H L là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H L Byă được miễn án phí nên đơn kháng cáo có một phần cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, ông Y N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả tiền một lần và tính lãi suất từ khi vay. Xét thấy, việc yêu cầu tính lãi suất là ngoài phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm; sau khi xét xử sơ thẩm, ông Y N không kháng cáo nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông Y N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn H L Byă, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 21/3/2018, ông Y N Ayŭn khởi kiện cho rằng: Ngày 15/01/2015, bà H L Byă vay ông số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay nhưng bà H L không trả nợ đúng thời hạn đã cam kết, ông đề nghị Tòa án buộc bà H L phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Kiện đòi tài sản" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Y N Ayŭn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền một lần và phải trả tiền lãi từ khi vay đến nay, yêu cầu trên của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phạm vi xét xử phúc thẩm. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét

xử không xem xét các yêu cầu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn H L Byă, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bên đều thừa nhận: Ngày 15/01/2015, bà H L Byă vay ông Y N Ayŭn số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay.

Bà H L Byă cho rằng bà đã trả trả cho nguyên đơn tổng cộng 15.000.000 đồng tiền gốc trong 03 lần: Ngày 15/01/2017, ngày 21/6/2017, ngày 10/11/2017, mỗi lần trả 5.000.000 đồng tiền gốc và mỗi lần trả đều không viết giấy biên nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H L cung cấp cho Tòa án bản phô tô giấy nhận số tiền 5.000.000 đồng ngày 21/6/2017 giữa Ama T (ông Y N Ayŭn) và Ama Amĩ C, có chữ ký của ông Y N và ông Y I Ayŭn (đã chết). Tuy nhiên, trong giấy nhận tiền trên không có nội dung nào thể hiện việc ông Y N nhận tiền của bà H L. Đồng thời, nguyên đơn ông Y N không thừa nhận việc bà H L đã trả tiền, ông Y N cho rằng đó là số tiền vợ chồng Ama Amĩ C vay của ông. Bà H L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y N Ayŭn và buộc bà H L Byă có nghĩa vụ trả cho ông Y N Ayŭn số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H L Byă là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn H L Byă, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bà H L Byă được chấp nhận một phần nên bà H L Byă không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 159, Điều 427, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H L Byă, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y N Ayŭn. Buộc bà H L Byă có nghĩa vụ trả cho ông Y N Ayŭn số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, chia làm 02 đợt: Đợt 1 trả 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đợt 2 trả 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* vào ngày 28/6/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H L Byă được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Y N Ayŭn được nhận lại 500.000 đồng *(Năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0001331 ngày 22/3/2018.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H L Byă không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0007126 ngày 24/7/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng